

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 248 /NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn  
giai đoạn 2021 - 2025 - Nguồn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 20**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/QH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 1426/TTr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 Nguồn ngân sách địa phương; Báo cáo*

*thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1, 2 của Nghị quyết số 237/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương như sau:**

1. Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 như sau:

"Tổng kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 là 20.850,9 tỷ đồng (*tăng 1.000 tỷ đồng từ nguồn sản xuất kinh doanh của Tỉnh ủy so với Nghị quyết số 237/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh*), bao gồm:

1. Vốn ngân sách cấp tỉnh 16.339,34 tỷ đồng, bao gồm: cân đối ngân sách cấp tỉnh 4.335,992 tỷ đồng; nguồn thu sử dụng đất, thuê đất 1.167,3 tỷ đồng; xổ số kiến thiết 9.109,56 tỷ đồng; nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2020 sang năm 2021 là 10,998 tỷ đồng; nguồn bội chi ngân sách địa phương 155,497 tỷ đồng; nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 là 35,641 tỷ đồng; nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh còn dư 7,297 tỷ đồng; Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 là 517,055 tỷ đồng; Nguồn sản xuất kinh doanh của Tỉnh ủy 1.000 tỷ đồng".

2. Điều chỉnh, bổ sung Điều 2 như sau:

"1. Số vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách cấp tỉnh 16.339,34 tỷ đồng được phân bổ cho các ngành, lĩnh vực và các huyện, thị xã, thành phố như sau:

a) Phân bổ vốn cho các dự án cấp tỉnh quản lý 10.809,055 tỷ đồng, trong đó:

- Phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh 10.062 tỷ đồng (chuẩn bị đầu tư 100 tỷ đồng; thanh toán khối lượng đã và đang thực hiện 406,576 tỷ đồng; thực hiện dự án 9.555,424 tỷ đồng).

- Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 (chưa phân khai chi tiết) 247,055 tỷ đồng.

- Nguồn sản xuất kinh doanh của Tỉnh ủy (chưa phân khai chi tiết) 500 tỷ đồng.

b) Điều chỉnh mức vốn hỗ trợ mục tiêu cho từng huyện, thị xã, thành phố 5.530,285 tỷ đồng.

2. Điều chỉnh giảm (-)/tăng (+) và bổ sung chi tiết nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, bao gồm danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh đã hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III và các biểu chi tiết từng ngành, lĩnh vực kèm theo Nghị quyết này) ”

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 20 thông qua và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 4 năm 2025./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh; Đài PTTH Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Hùng**

| Phụ lục I<br>TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIẢI ĐOÀN 2021-2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG<br>(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh) |                                                          |                               |                    |                             |                                                           |                                                              | ĐVT: Triệu đồng |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|
| STT                                                                                                                                                                                                  | NGUỒN VỐN                                                | KẾ HOẠCH TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH | ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG | KẾ HOẠCH SAU KHI ĐIỀU CHỈNH | CĂN CỨ                                                    | GHI CHÚ                                                      |                 |
|                                                                                                                                                                                                      | TỔNG VỐN NSDP                                            | 19.850.900                    | 1.000.000          | 20.850.900                  |                                                           |                                                              |                 |
| I                                                                                                                                                                                                    | NGÂN SÁCH CẤP TỈNH                                       | 15.339.340                    | 1.000.000          | 16.339.340                  |                                                           |                                                              |                 |
| I.1                                                                                                                                                                                                  | Cơ cấu nguồn ngân sách tỉnh                              | 15.339.340                    | 1.000.000          | 16.339.340                  |                                                           |                                                              |                 |
| 1                                                                                                                                                                                                    | Cân đối ngân sách địa phương                             | 4.335.992                     |                    | 4.335.992                   |                                                           |                                                              |                 |
| 2                                                                                                                                                                                                    | Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuế đất                     | 1.167.300                     |                    | 1.167.300                   |                                                           |                                                              |                 |
| 3                                                                                                                                                                                                    | Xổ số kiến thiết                                         | 9.109.560                     |                    | 9.109.560                   |                                                           |                                                              |                 |
| 3.1                                                                                                                                                                                                  | Xổ số kiến thiết (theo dự toán)                          | 8.900.000                     |                    | 8.900.000                   |                                                           |                                                              |                 |
| 3.2                                                                                                                                                                                                  | Nguồn tăng thu XK-T năm 2020                             | 209.560                       |                    | 209.560                     |                                                           |                                                              |                 |
| 4                                                                                                                                                                                                    | Nguồn tiết kiệm chi NS cấp tỉnh năm 2020 sang năm 2021   | 10.998                        |                    | 10.998                      |                                                           |                                                              |                 |
| 5                                                                                                                                                                                                    | Nguồn bội chi NSDP                                       | 155.497                       |                    | 155.497                     |                                                           | Biểu BCNSDP                                                  |                 |
| 6                                                                                                                                                                                                    | Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 | 35.641                        |                    | 35.641                      |                                                           |                                                              |                 |
| 7                                                                                                                                                                                                    | Nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh còn dư                 | 7.297                         |                    | 7.297                       |                                                           |                                                              |                 |
| 8                                                                                                                                                                                                    | Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 | 517.055                       |                    | 517.055                     | Công văn số 29/HĐND-KTNS ngày 14/02/2025 của TT HĐND tỉnh |                                                              |                 |
| 9                                                                                                                                                                                                    | Nguồn sản xuất kinh doanh của Tỉnh ủy                    |                               | 1.000.000          | 1.000.000                   |                                                           |                                                              |                 |
| I.2                                                                                                                                                                                                  | Phân bổ nguồn ngân sách cấp tỉnh                         | 15.339.340                    | 1.000.000          | 16.339.340                  |                                                           |                                                              |                 |
| -                                                                                                                                                                                                    | Tỉnh quản lý                                             | 9.809.055                     | 1.000.000          | 10.809.055                  |                                                           | Phụ lục II và các biểu phân bổ chi tiết theo ngành, lĩnh vực |                 |
| -                                                                                                                                                                                                    | Hỗ trợ mục tiêu cho huyện, thị xã, thành phố             | 5.530.285                     |                    | 5.530.285                   |                                                           | Phụ lục III                                                  |                 |
| II                                                                                                                                                                                                   | NGÂN SÁCH HUYỆN                                          | 4.511.560                     |                    | 4.511.560                   |                                                           |                                                              |                 |
| 1                                                                                                                                                                                                    | Cân đối ngân sách địa phương                             | 2.485.820                     |                    | 2.485.820                   |                                                           |                                                              |                 |
| 2                                                                                                                                                                                                    | Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuế đất                     | 2.025.740                     |                    | 2.025.740                   |                                                           |                                                              |                 |

| Phụ lục II                                                                                    |                                                                                 |                                          |                   |                             |          |                    |         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------|-----------------------------|----------|--------------------|---------|
| ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH      |                                                                                 |                                          |                   |                             |          |                    |         |
| (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh |                                                                                 |                                          |                   |                             |          |                    |         |
| ĐVT: Triệu đồng                                                                               |                                                                                 |                                          |                   |                             |          |                    |         |
| STT                                                                                           | NGÀNH, LĨNH VỰC                                                                 | KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 |                   |                             |          |                    |         |
|                                                                                               |                                                                                 | TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH                     | BỔ SUNG NGUỒN VỐN | ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỐ CHI TIẾT |          | SAU KHI ĐIỀU CHỈNH | Ghi chú |
|                                                                                               |                                                                                 |                                          |                   | TĂNG (+)                    | GIẢM (-) |                    |         |
|                                                                                               | KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG - NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH                             | 15.339.340                               | 1.000.000         | 600.000                     | -600.000 | 16.339.340         |         |
| A                                                                                             | TỈNH QUẢN LÝ                                                                    | 9.809.055                                | 1.000.000         | 600.000                     | -600.000 | 10.809.055         |         |
| I                                                                                             | CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ                                                                 | 100.000                                  |                   |                             |          | 100.000            |         |
| II                                                                                            | THANH TOÁN KL ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN                                              | 406.576                                  |                   |                             |          | 406.576            |         |
| III                                                                                           | THỰC HIỆN ĐẦU TƯ                                                                | 8.955.424                                | -                 | 600.000                     | -        | 9.555.424          |         |
| 10                                                                                            | Các hoạt động kinh tế                                                           |                                          |                   |                             |          |                    |         |
| 10.c                                                                                          | Giao thông                                                                      | 3.946.080                                |                   | 600.000                     |          | 4.546.080          |         |
| V                                                                                             | Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 chưa phân bổ chi tiết) | 347.055                                  |                   |                             | -100.000 | 247.055            |         |
| VI                                                                                            | Nguồn sản xuất kinh doanh của Tỉnh ủy (chưa phân bổ chi tiết)                   |                                          | 1.000.000         |                             | -500.000 | 500.000            |         |
| B                                                                                             | HUYỆN QUẢN LÝ                                                                   | 5.530.285                                |                   |                             |          | 5.530.285          |         |

| Biểu 10.c                                                                                      |                                                                       |                                |                   |                     |                                  |                                          |                                       |                 |                                |                                                               |                                |                               |                                                             |                                |         |                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------|---------------------|----------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|----------------------------------------------------------|
| KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-202                              |                                                                       |                                |                   |                     |                                  |                                          |                                       |                 |                                |                                                               |                                |                               |                                                             |                                |         |                                                          |
| CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC GIAO THÔNG                                                    |                                                                       |                                |                   |                     |                                  |                                          |                                       |                 |                                |                                                               |                                |                               |                                                             |                                |         |                                                          |
| (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh) |                                                                       |                                |                   |                     |                                  |                                          |                                       |                 |                                |                                                               |                                |                               |                                                             |                                |         |                                                          |
| ĐVT: Triệu đồng                                                                                |                                                                       |                                |                   |                     |                                  |                                          |                                       |                 |                                |                                                               |                                |                               |                                                             |                                |         |                                                          |
| STT                                                                                            | Danh mục dự án                                                        | Chủ đầu tư                     | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế   | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư |                                       |                 |                                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh |                                | Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+) | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh |                                | Ghi chú |                                                          |
|                                                                                                |                                                                       |                                |                   |                     |                                  | Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành  | Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NS tỉnh                                             | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) |                               | Ngân sách tỉnh                                              | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) |         | Ngân sách tỉnh                                           |
| A                                                                                              | THỰC HIỆN                                                             |                                |                   |                     |                                  |                                          |                                       |                 | 1.189.062                      | 1.189.062                                                     | -                              | -                             | 600.000                                                     | 1.189.062                      | 600.000 |                                                          |
| II                                                                                             | Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực                                 |                                |                   |                     |                                  |                                          |                                       |                 | 1.189.062                      | 1.189.062                                                     | -                              | -                             | 600.000                                                     | 1.189.062                      | 600.000 |                                                          |
| II.2                                                                                           | Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025                  |                                |                   |                     |                                  |                                          |                                       |                 | 1.189.062                      | 1.189.062                                                     | -                              | -                             | 600.000                                                     | 1.189.062                      | 600.000 |                                                          |
| 16                                                                                             | Đầu tư xây dựng Đường 3 tháng 2 (Đoạn từ Đường CMT8 đến đường Bờ Lởi) | Ban QLDA ĐTXD ngành Giao thông | TPTN              | Dài khoảng 3,5km    | 2025-2028                        |                                          | 938/QĐ-UBND 23/4/2025                 | 1.000.000       | 1.000.000                      | 1.000.000                                                     |                                | 500.000                       | 1.000.000                                                   | 500.000                        | 500.000 | Nguồn sản xuất kinh doanh của Tỉnh ủy                    |
| 17                                                                                             | Đường vào Khu dân cư Bến Sắn                                          | Ban QLDA ĐTXD ngành Giao thông | huyện Gò Dầu      | Dài khoảng 2,378 km | 2025-2028                        |                                          | 939/QĐ-UBND 23/4/2025                 | 189.062         | 189.062                        | 189.062                                                       |                                | 100.000                       | 189.062                                                     | 100.000                        | 100.000 | Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 |